

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index | 399.22 ↑ | 7.66 | 1.96% |
| KLGD (triệu ck) | 41.18 ↑ | 5.14 | 14.26% |
| GTGD (tỷ đồng) | 555.22 ↑ | 137.14 | 32.80% |
| Tổng cung (triệu ck) | 115.79 ↓ | -17.44 | -13.09% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 164.31 ↑ | 37.98 | 30.06% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 2.16 ↓ | -0.03 | -1.45% |
| KL bán (triệu ck) | 2.82 ↑ | 1.57 | 126.02% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 74.73 ↑ | 34.20 | 84.37% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 82.97 ↑ | 45.98 | 124.28% |

Các ngưỡng kĩ thuật

| | Điểm | Đánh giá |
|------------|------|----------|
| Kháng cự 1 | 411 | ** |
| Kháng cự 2 | | |
| Kháng cự 3 | | |
| Hỗ trợ 1 | 380 | ** |
| Hỗ trợ 2 | 350 | *** |
| Hỗ trợ 3 | | |

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999



Nhận định thị trường:

Trong các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục công bố KQKD, hầu hết vẫn là các DN có KQKD khá tích cực như REE, ABT, IJC, LHC, SFN, VPK v.v... Bên cạnh đó hiện tại đã có gần 80 doanh nghiệp đã công bố tạm ứng cổ tức năm 2012, gần 20 đơn vị trong số đó có kế hoạch tạm ứng cổ tức với tỷ lệ khá cao (>15%). Các yếu tố này nhìn chung vẫn đang là nhân tố hỗ trợ tâm lý thị trường. Mặc dù vậy, chúng tôi lưu ý rằng các DN này mới chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong số các DN niêm yết và chưa thể phản ánh đầy đủ bức tranh tổng quan về tình hình kinh doanh 9 tháng đầu năm của của tất cả các DNNY trên hai sàn.

Sau 2 – 3 phiên điều chỉnh nhẹ, thị trường bật tăng mạnh trở lại cùng với sự tăng trở lại của thanh khoản cho thấy xu thế tăng ngắn hạn (minor trend) chưa kết thúc. Một điểm đáng chú ý là tốc độ tăng của các chỉ số đang bị đẩy lên quá nhanh, hơn mức tăng tương ứng của thanh khoản khớp lệnh thị trường, điều này làm gia tăng tỷ lệ rủi ro đối với các NĐT tham gia thị trường với mục tiêu ngắn hạn. VN-Index có kháng cự mạnh tại vùng 411 điểm còn HNX-Index có kháng cự mạnh quanh vùng 57 điểm, cả hai chỉ số đều đang ở rất gần các mức kháng cự này. Về mặt kĩ thuật, xu thế của thị trường sẽ trở nên tích cực hơn rất nhiều nếu như chỉ số hai sàn có thể lần lượt phá vỡ được xu thế giảm này, tuy nhiên trong ngắn hạn NĐT vẫn nên thận trọng khi thị trường kiểm chứng các ngưỡng kháng cự mạnh này.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

| | Giá trị | Thay đổi | ± % |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| HNX-Index | 56.28 | ↑ 1.34 | 2.44% |
| KLGD (triệu ck) | 38.01 | ↑ 13.14 | 52.86% |
| GTGD (tỷ đồng) | 263.92 | ↑ 85.09 | 47.58% |
| Tổng cung (triệu ck) | 46.70 | ↑ 2.98 | 6.81% |
| Tổng cầu (triệu ck) | 67.87 | ↑ 30.05 | 79.47% |
| Giao dịch NN | | | |
| KL mua (triệu ck) | 1.26 | ↑ 0.83 | 194.58% |
| KL bán (triệu ck) | 1.56 | ↑ 0.16 | 11.28% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 9.65 | ↑ 6.92 | 253.22% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 13.17 | ↑ 4.25 | 47.60% |

Các ngưỡng kỹ thuật

| | Điểm | Đánh giá |
|------------|--------------|----------|
| Kháng cự 1 | 57 | ** |
| Kháng cự 2 | vùng 60 - 62 | *** |
| Kháng cự 3 | | |
| Hỗ trợ 1 | 54 | * |
| Hỗ trợ 2 | vùng 51 điểm | ** |
| Hỗ trợ 3 | | |

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Thanh khoản

| KLGD Khớp lệnh | Giá trị (cổ phiếu/phiên) |
|-------------------------|--------------------------|
| Bình quân 15 phiên | 22,735,146 |
| Bình quân 25 phiên | 24,591,352 |
| Cao nhất trong 6 tháng | 111,859,504 |
| Thấp nhất trong 6 tháng | 15,358,600 |
| Phiên gần nhất | 37,591,400 |



Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kỹ thuật:

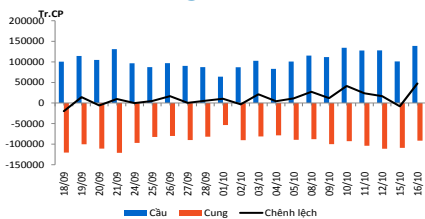
Một phiên tăng mạnh tạo một nền trắng dài (không có đuôi) phản ánh tâm lý hưng phấn của thị trường trong phiên hôm nay. Phiên hôm nay HNX-Index không tạo thành mô hình đảo chiều tăng vì mức độ điều chỉnh của 2 phiên trước chỉ là các dao động bình thường, về bản chất HNX-Index vẫn đang tiếp tục xu thế tăng mini (minor trend) nhưng nằm trong một xu thế giảm trung hạn. Điều này phản ánh rằng có thể HNX-Index đang nằm trong vùng giữa – cuối của một minor uptrend, mức độ tăng của chỉ số bị đẩy mạnh hơn cũng sẽ làm gia tăng tỷ lệ rủi ro ngắn hạn đối với các NĐT bắt đầu tham gia vào thị trường trong thời điểm này.

Yếu tố thứ hai cần chú ý đến là khu vực kháng cự của HNX-Index đang ở rất gần. Vùng kháng cự đáng chú ý là 57 - 60 điểm, đóng vai trò là kháng cự giới hạn của xu thế tăng hiện hữu, mà nếu vượt qua được vùng này thì diễn biến về mặt xu thế của thị trường sẽ tích cực hơn rất nhiều. Khi đó HNX-Index tạo được một mô hình phục hồi (tích lũy – tạo đáy) phá vỡ xu thế giảm.

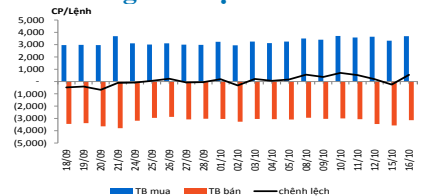
Trong ngắn hạn, nếu vượt qua 57 điểm, dạng mô hình mà HNX-Index thiết lập là mô hình 2 đáy (hình chữ W), theo đó ngắn hạn chỉ số cũng có thể tiếp tục tăng tới vùng 60 điểm.

HSX:

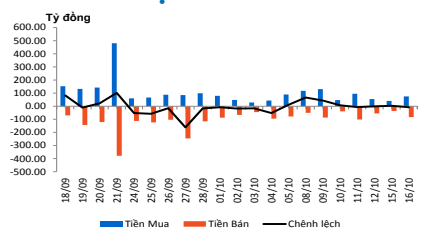
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

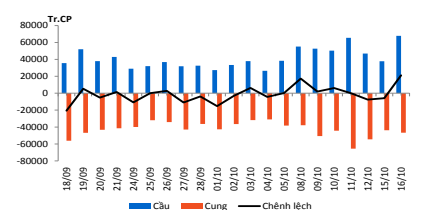
Những phút đầu phiên, Những cổ phiếu giảm mạnh ở phiên trước như FLC, DCS, CMI, KSS, KSA, ITA, KBC, VNE... cũng bật xanh dù đà tăng chưa đủ mạnh. Sau 15 phút mở cửa, VN-Index tăng 1.04 điểm (0.27%) nâng lên 392.6 điểm mặc dù thanh khoản có hơi thấp, chỉ đạt 1,459 triệu đơn vị tương đương 14,86 tỷ đồng.

Đà tăng của các chỉ số được đẩy mạnh khi dần về cuối buổi sáng. PVF tăng trần, giao dịch trên 500 ngàn, dư mua tuyệt đối. Tuy nhiên, VNM mới là mã tác động mạnh đến VN-Index khi tăng 3.25% lên 127 ngàn đồng, kế đó là BVH tăng gần 2% lên 30,800 đồng/cp. DPM tăng 1.68%, MSN tăng 0.52%. Các mã khác như GAS, CTG, MBB, GMD, HPG... trong rổ VN30 đều tăng trên dưới 1% mỗi mã, trừ OGC, ITA, IJC đang tăng kịch trần.

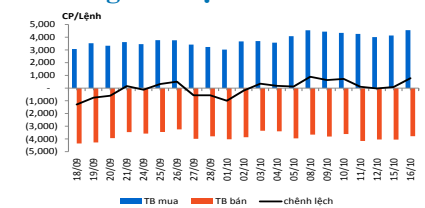
Càng về cuối phiên, dòng tiền càng hoạt động mạnh. Trong rổ VN30, gần như toàn bộ các mã đều tăng giá. VNM không giữ nổi giá trần nhưng cũng tăng đến 4.07%, hay BVH tăng gần 4%, SSI tăng 3.64%. Nhóm ngân hàng có sự bứt phá ở những phút cuối. Kết quả đợt khớp lệnh đóng cửa, VN-Index tăng đến 7.66 điểm (1.96%) lên 399.22 điểm. Thanh khoản được nâng lên 41.18 triệu đơn vị (555.22 tỷ đồng).

HNX:

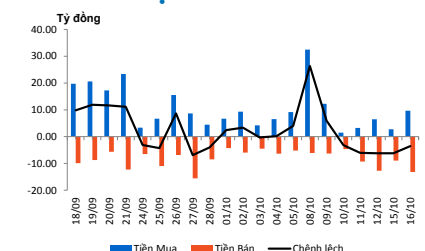
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

Đầu phiên, Những vốn hóa lớn như SCR, PVX, VND, SHB đồng loạt tăng giá cũng giúp HNX-Index tăng điểm. Thị trường sáng nay tăng điểm nhẹ bởi áp lực bán giảm, lực cầu tăng so với phiên hôm qua. HNX-Index cũng tăng 0.23 điểm (0.42%) lên 55.17 điểm sau 15 phút giao dịch.

Phiên sáng, HNX-Index cũng tăng đến 1.42% (0.78 điểm) số lên 55.72 điểm. PVX, SCR “hẹn” nhau tăng trần, giao dịch trên 3 triệu đơn vị mỗi mã, PVX dư mua tuyệt đối giá trần, SCR cũng dư mua lớn, dư bán giá trần. VND nổi gót với 1.87 triệu đơn vị được giao dịch (tăng giá 4.44%). Thanh khoản vọt lên mức 26.1 triệu đơn vị, tương đương 173 tỷ đồng. Toàn sàn có 59 mã tăng trần, 135 mã tăng giá và chỉ 42 mã giảm (19 mã giảm sàn).

Diễn biến tích cực tiếp tục duy trì kéo sáng giao dịch buổi chiều, HNX-Index gia tăng 0.84 điểm (1.53%) lên 55.78 điểm. Toàn sàn có đến 148 mã tăng giá, 48 mã giảm và 202 mã tham chiếu.

Cuối phiên, các “đầu tàu” như KLS, VND, SCR, PVX, SHB, VCG đồng loạt tăng trần, với thanh khoản đều trên 2.5 triệu đơn vị. ACB tăng 200 đồng lên 16,200 đồng, giao dịch cũng lên 1.35 triệu cổ phiếu. Kết phiên, HNX-Index tăng mạnh 1.34 điểm tương ứng 2.44 điểm lên 56.28 điểm. Tổng giao dịch cũng gia tăng đáng kể 38 triệu đơn vị được trao đổi trị giá 263.92 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

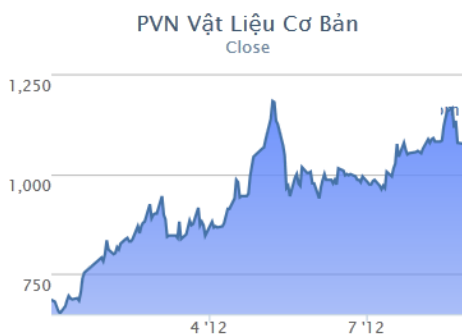


Chỉ số PVN 10



| Chỉ số | Giá đóng cửa | Thay đổi | % Thay đổi |
|--------------------------|--------------|----------|------------|
| PVN 10 | 718.58 | ↑ 15.42 | ↑ 2.19 |
| PVN ALL SHARE CONTINUOUS | 657.29 | ↑ 9.01 | ↑ 1.39 |
| PVN ALLSHARE | 639.82 | ↑ 9.24 | ↑ 1.47 |
| PVN ALLSHARE HNX | 498.81 | ↑ 10.94 | ↑ 2.24 |
| PVN ALLSHARE HSX | 696.79 | ↑ 8.87 | ↑ 1.29 |
| PVN Vật Liệu Cơ Bản | 1060.87 | ↑ 23.19 | ↑ 2.23 |
| PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng | 809.86 | ↑ 14.08 | ↑ 1.77 |
| PVN Tài Chính | 457.92 | ↑ 12.77 | ↑ 2.87 |
| PVN Công Nghiệp | 319.98 | ↑ 12.31 | ↑ 4 |
| PVN Dầu Khí | 636.82 | ↑ 6.21 | ↑ 0.99 |
| PVN Dịch Vụ Tiện Ích | 725.62 | ↑ 11.17 | ↑ 1.56 |

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

| CHỈ SỐ | TÊN CHỈ SỐ | LOẠI CHỈ SỐ | Chỉ số Giá | | | | Chỉ số Lợi Nhuận | | | | |
|--------|-------------------------|-------------|------------|-----|-----|-----|------------------|-----|-----|-----|----|
| | | | VND | EUR | USD | JPY | VND | EUR | USD | JPY | |
| PVNAS | PVN ALL SAHRE | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNASC | PVN ALLSHARE CONTINUOUS | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNHSX | PVN ALLSHARE HSX | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNHX | PVN ALLSHARE HNX | Đại diện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVN10 | PVN 10 | Đầu tư | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNBM | PVN Vật liệu Cơ bản | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNCS | PVN Dịch vụ Tiêu dùng | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNFI | PVN Tài chính | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNIN | PVN Công nghiệp | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNOG | PVN Dầu khí | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| PVNUT | PVN Dịch vụ Tiện ích | Ngành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| | TỔNG | 88 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 5 mã cổ phiếu đứng giá, 23 cổ phiếu tăng giá và không có mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 2,8% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,000 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 16/10:

| STT | Mã | Tên công ty | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|---|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1 | PCG | CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị | 3,800.0 | - | ↔ 0.00 | 0.33 | 10.27 | HNX |
| 2 | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long | 2,900.0 | 5,000 | ↑ 3.57 | 0.28 | 26.36 | HNX |
| 3 | PFL | Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô | 2,500.0 | 202,200 | ↑ 4.17 | 0.15 | 0.24 | HNX |
| 4 | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 18,300.0 | 690,200 | ↑ 4.57 | 1.50 | 1.22 | HNX |
| 5 | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 8,600.0 | 166,800 | ↑ 6.17 | 0.80 | 5.44 | HNX |
| 6 | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam | 4,700.0 | - | ↔ 0.00 | 0.43 | 2.60 | HNX |
| 7 | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí | 4,000.0 | 78,725 | ↑ 5.26 | 0.40 | N/A | HNX |
| 8 | PVC | Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP | 13,100.0 | 210,300 | ↑ 4.80 | 0.78 | 1.96 | HNX |
| 9 | PVE | Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP | 9,000.0 | 18,200 | ↑ 2.27 | 1.58 | 4.11 | HNX |
| 10 | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc | 9,000.0 | 255,200 | ↑ 4.65 | 0.58 | 6.47 | HNX |
| 11 | PVI | Công ty Cổ phần PVI | 15,700.0 | 7,045 | ↑ 1.29 | 0.67 | 7.93 | HNX |
| 12 | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam | 4,000.0 | - | ↔ 0.00 | 0.38 | 1.88 | HNX |
| 13 | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 15,600.0 | 598,331 | ↑ 1.30 | 1.32 | 4.17 | HNX |
| 14 | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 4,700.0 | 3,714,104 | ↑ 6.82 | 0.21 | 1.77 | HNX |
| 15 | GAS | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | 39,000.0 | 134,690 | ↑ 0.78 | 3.15 | 12.50 | HSX |
| 16 | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP | 36,600.0 | 302,170 | ↑ 2.23 | 2.19 | 5.91 | HSX |
| 17 | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam | 26,100.0 | 26,560 | ↑ 0.77 | 1.20 | 3.18 | HSX |
| 18 | GSP | CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế | 5,800.0 | 4,020 | ↔ 0.00 | 0.50 | 4.23 | HSX |
| 19 | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | 11,500.0 | 74,450 | ↑ 1.77 | 0.66 | 2.83 | HSX |
| 20 | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 37,300.0 | 184,660 | ↑ 1.63 | 1.82 | 5.27 | HSX |
| 21 | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí | 2,400.0 | 73,550 | ↑ 4.35 | 0.23 | 1.86 | HSX |
| 22 | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí | 36,700.0 | 138,600 | ↑ 2.23 | 1.24 | 7.21 | HSX |
| 23 | PVF | Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam | 7,800.0 | 572,420 | ↑ 4.00 | 0.68 | 9.87 | HSX |
| 24 | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí | 4,200.0 | 345,500 | ↑ 5.00 | 0.43 | 38.18 | HSX |
| 25 | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí | 4,300.0 | 67,970 | ↑ 4.88 | 0.41 | 2.87 | HSX |
| 26 | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 2,800.0 | 25,580 | ↑ 3.70 | 0.25 | 1.46 | HSX |
| 27 | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | 9,200.0 | 94,120 | ↑ 2.22 | 0.70 | 2.76 | HSX |
| 28 | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | 4,400.0 | 15,150 | ↔ 0.00 | 0.40 | 2.89 | HSX |
| 29 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 4,300.0 | 7,000 | ↔ 0.00 | 0.39 | 4.61 | UPCOM |
| 30 | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 7,700.0 | - | ↔ 0.00 | 0.72 | 0.00 | UPCOM |
| 31 | PSP | CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ | 4,500.0 | 7,200 | ↑ 2.27 | 0.46 | 13.58 | UPCOM |
| 32 | PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình | 4,400.0 | 6,400 | ↑ 10.00 | 0.39 | 3.95 | UPCOM |
| 32 | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương | 3,800.0 | - | ↔ 0.00 | 0.34 | N/A | UPCOM |

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|------|------------------------------------|
| STB | 19,600 | 20,000 | 2.04 | 45,996,922 |
| SSI | 16,500 | 17,100 | 3.64 | 27,441,010 |
| MBB | 13,000 | 13,100 | 0.77 | 25,532,768 |
| MSN | 96,000 | 97,500 | 1.56 | 20,810,725 |
| SII | 11,100 | 11,600 | 4.50 | 17,839,701 |

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | ± % | Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|------|------------------------------------|
| VND | 9,000 | 9,600 | 6.67 | 27,081 |
| KLS | 7,900 | 8,300 | 5.06 | 25,215 |
| SCR | 6,100 | 6,500 | 6.56 | 22,097 |
| ACB | 16,000 | 16,200 | 1.25 | 21,708 |
| PVX | 4,400 | 4,700 | 6.82 | 17,257 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|------|-------|
| VSG | 1,000 | 1,100 | 100 | 10.00 |
| HVX | 4,000 | 4,200 | 200 | 5.00 |
| DCL | 8,000 | 8,400 | 400 | 5.00 |
| PVT | 4,000 | 4,200 | 200 | 5.00 |
| CYC | 2,000 | 2,100 | 100 | 5.00 |

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± % |
|-----|------------|----------|-------|-------|
| SLS | 20,700 | 26,900 | 6,200 | 29.95 |
| THV | 1,000 | 1,100 | 100 | 10.00 |
| NVC | 1,100 | 1,200 | 100 | 9.09 |
| SD3 | 1,400 | 1,500 | 100 | 7.14 |
| S55 | 20,000 | 21,400 | 1,400 | 7.00 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| DDM | 1,700 | 1,600 | -100 | -5.88 |
| SGT | 4,000 | 3,800 | -200 | -5.00 |
| VNI | 4,300 | 4,100 | -200 | -4.65 |
| SFC | 22,500 | 21,500 | -1,000 | -4.44 |
| IFS | 13,800 | 13,200 | -600 | -4.35 |

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm | ± % |
|-----|------------|----------|--------|--------|
| VE4 | 14,000 | 12,000 | -2,000 | -14.29 |
| VBH | 11,500 | 10,700 | -800 | -6.96 |
| PSC | 10,200 | 9,500 | -700 | -6.86 |
| NHC | 19,100 | 17,800 | -1,300 | -6.81 |
| SDU | 5,900 | 5,500 | -400 | -6.78 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VNĐ) | Mã | GT bán (triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VNM | 22,157 | VNM | 24,512 |
| MSN | 12,514 | STB | 10,415 |
| CTG | 10,951 | VCB | 9,670 |
| KDC | 9,141 | KDC | 8,325 |
| PNJ | 4,244 | GAS | 3,984 |

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã | GT mua (triệu VNĐ) | Mã | GT bán (triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| SHB | 4,968 | VND | 5,613 |
| VND | 2,345 | AAA | 1,028 |
| KLS | 810 | TDN | 983 |
| LAS | 420 | VCG | 973 |
| TDN | 386 | VNR | 871 |

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339